TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠ HUOAI** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17/9/2021
V/v: Ly hôn giữa bà T và ông T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Bà Vũ Thị Thi

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hồ Thị Quyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp về ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị T – sinh năm: 1985
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.
(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T – sinh ngày: 1982
Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn M, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.
(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ghi ngày 21 tháng 6 năm 2021 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày: Về hôn nhân: Bà T và ông T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình cho phép tiến tới hôn nhân, ngày 16/3/2007 đăng kí kết hôn tại UBND thị trấn Eaknốp, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính là do cuộc sống chung không hòa thuận, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà T nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Bà T và ông T có 02 con chung là Trần Trương Đan H, sinh ngày 01/11/2007; Trần Hùng C, sinh ngày 13/11/2017. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi các cháu trưởng thành. Bà T không yêu cầu ông Trần Ngọc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sải chung;

Về nợ chung: Bà T trình bày không có nợ chung.

Ngoài ra bà Trương Thị T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn ông T đến Tòa án để làm việc nhưng ông T đã vắng mặt không có lý do. Vì vậy, vụ án không tiến hành hòa gải được cũng như không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn ông Trần Ngọc T trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung cũng như nợ chung mà bà T đã trình bày là đúng. Ông T không có ý kiến gì khác và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị T; ông T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là Trần Trương Đan Hùng cho đến khi con thành niên và đồng ý giao 01 con chung là Trần Hùng Cường cho bà Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên; các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.

- Nguyên đơn bà Trương Thị T chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Trần T T không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự như không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do.

- Về nội dung của vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông T không đạt được mục đích, tình trạng mâu thuẫn kéo dài, ông T không thể hiện

mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà T có đơn yêu cầu ly hôn với ông T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà T và ông T có 02 con chung là Trần Trương Đan H, sinh ngày 01/11/2007; Trần Hùng C, sinh ngày 13/11/2017. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho đến khi thành niên. Tuy nhiên, quá trình xác minh cho thấy chị T đi làm xa, không chung sống cùng ông T và các con tại gia đình, bà T cũng chưa chứng minh cụ thể về thu nhập, công ăn việc làm, chỗ ở cụ thể. Do đó xét thấy giao 02 cháu cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là chưa đảm bảo, chưa phù hợp; hơn nữa cháu Hùng (đã trên 7 tuổi) có mong muốn được sống cùng bố. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hùng C sau khi ly hôn và giao cháu Trần Trương Đan H cho ông Trần Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H đủ tuổi thành niên. Về phần cấp dưỡng bà T không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng sau khi ly hôn nên không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

Về công nợ chung: Bà T trình bày không có công nợ chung, không ai yêu cầu bà T, ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên không xem xét.

*Các tài liệu, chứng cứ của vụ án: Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Trương Thị T cung cấp: 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 CMND mang tên Trương Thị T (bản sao); 01 CMND mang tên Trần Ngọc T (bản sao); 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Ngọc T (bản sao); 01 giấy khai sinh của Trần Trương Đan H (bản sao); 01 giấy khai sinh của Trần Hùng C (bản sao).

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: 01 bản tự khai ngày 21/6/2021 của bà Trương Thị T; 01 bản tự khai ngày 02/7/2021 của Trần Trương Đan Hùng; 01 biên bản xác minh ngày 06/7/2021 tại Công an thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (bản chính); 01 biên bản xác minh ngày 26/8/2021 tại Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của các bên đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông T có nơi cư trú tại tổ dân phố 2, thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" và Tòa án

nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Trương Thị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Trương Thị T là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hôn nhân:

Bà T và ông T tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Eaknốp, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk ngày 16/3/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17; quyển số 1/2007. Vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa bà T và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa bà T và ông T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm dành cho nhau không còn và mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông T đến làm việc, hòa giải nhưng ông T đã không có mặt tại Tòa án để làm việc điều đó cho thấy ông T không thực sự mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có hành động mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông T không thuyết phục bà T hàn gắn hạnh phúc gia đình để vợ chồng trở về sống với nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của bà T và ông T trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, điều đó cũng chứng minh hôn nhân của ông T và bà T không đạt được hạnh phúc. Tại biên bản xác minh ngày 26/8/2021 của Đại diện Hội liên hiệp phụ nữ thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thì bà Trương Thị T và ông Trần Ngọc T không yêu cầu Hội Liên hiệp phụ nữ thị trấn Madagoi hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, quan thông tin từ các hội viên được biết trong cuộc sống hôn nhân tuy không có đánh nhau gây ảnh hưởng đến trật tự lối xóm nhưng ông T và bà T hay cãi nhau, bà T thường xuyên đi làm ăn xa, thời gian gần đây thấy bà T có về nhà nhưng hiện tại lại không thấy và T sống cùng chồng con tại địa phương nữa; cuộc sống hôn nhân của ông T và bà T không được hòa hợp.

Xét thấy hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T không hạnh phúc, vợ chồng không thường xuyên chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình thì Hội Đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông T là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế.

[3] Về con chung: Theo giấy khai sinh mang tên Trần Trương Đan Hùng, sinh ngày 01/11/2007 đăng ký ngày 20/11/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn

Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng có họ tên cha Trần Ngọc T, họ tên mẹ Trương Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định Trần Trương Đan Hùng là con chung của bà T, ông T.

Theo giấy khai sinh mang tên Trần Hùng C, sinh ngày 13/11/2017 đăng ký ngày 05/12/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Madaguoi, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng có họ tên cha Trần Ngọc T, họ tên mẹ Trương Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình thì xác định Trần Trương Đan H là con chung của bà T, ông T.

Bà T yêu cầu sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thành niên. Tuy nhiên, quá trình xác minh cho thấy bà T thường xuyên đi làm xa, không chung sống cùng ông T và các con tại gia đình, bà T cũng chưa chứng minh cụ thể về thu nhập, công ăn việc làm, chỗ ở cụ thể. Xét thấy, việc giao cháu H và Cháu C cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là chưa đảm bảo, chưa phù hợp; hơn nữa cháu H (đã trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống cùng bố là Trần Ngọc T sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy, cần chấp nhận cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Hùng C sau khi ly hôn và giao cháu Trần Trương Đan H cho ông Trần Ngọc T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên là có cơ sở pháp luật và phù hợp với thực tế cũng như nguyện vọng của con chung.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[6] Về tài sản chung: Bà T và ông T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[7] Về nợ chung: Bà T và ông T trình bày không có nợ chung cũng như không ai yêu cầu bà T, ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Trương Thị T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trương Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018361 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trương Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị T đối với ông Trần Ngọc T về tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Cho bà Trương Thị T được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung Trần Trương Đan H, sinh ngày 01/11/2007 cho ông Trần Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Giao 01 con chung Trần Hùng C, sinh ngày 13/11/2017 cho bà Trương Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Bà Trương Thị T và ông Trần Ngọc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí:

Bà Trương Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà Trương Thị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0018361 ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Bà Trương Thị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 17/9/2021); Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Cơ quan đã tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn An **Vũ Thị Thi** **Nguyễn Thị Hà Giang**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI BẢO XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thúc Lân **K'Mák** **Nguyễn Thị Hà Giang**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI BẢO XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hà Giang